

## DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK2/2020-2021 SAU ĐẠI HỌC

Nghiên cứu sinh

Từ ngày 01/4/2021 đến 28/4/2021

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp K2/20-21	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
1	16028001	Nguyễn Thị Châm	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
2	16028002	Phạm Tuấn Dũng	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
3	16028006	Bùi Văn Tân	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
4	16028007	Ngô Thị Vinh	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
5	16028009	Nguyễn Thị Hạnh	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
6	16028010	Nguyễn Thị Hồng Loan	40,462,500	14,625,000	55,087,500	40,462,500	14,625,000
7	16028012	Nguyễn Đức Sử	40,462,500	14,625,000	55,087,500	0	55,087,500
8	16028013	Nguyễn Văn Đức	14,625,000	14,625,000	29,250,000	0	29,250,000
9	16028014	Phùng Công Phi Khanh	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
10	16028015	Đông Phạm Khôi	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
11	16028017	Kiều Thanh Bình	27,212,500	14,625,000	41,837,500	0	41,837,500
12	16028019	Mai Mạnh Trùng	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
13	16028021	Trần Sỹ Trọng Khanh	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
14	17028015	Phạm Minh Phúc	0	5,850,000	5,850,000	5,850,000	0
15	17028016	Nguyễn Văn Thành	0	5,850,000	5,850,000	0	5,850,000
16	17028001	Nguyễn Dương Hùng	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
17	17028004	Nguyễn Thị Hồng Nhung	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
18	17028005	Trần Nguyễn Hương	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
19	17028006	Trần Văn Mạnh	14,625,000	14,625,000	29,250,000	29,250,000	0
20	17028007	Nguyễn Thị Thùy Liên	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
21	17028008	Bùi Thị Hà	14,625,000	14,625,000	29,250,000	0	29,250,000
22	17028009	Lê Văn Luân	14,625,000	14,625,000	29,250,000	29,250,000	0
23	17028010	Vũ Xuân Mạnh	14,625,000	14,625,000	29,250,000	29,250,000	0
24	17028011	Phạm Văn Thành	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
25	17028012	Dương Thị Hằng	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
26	17028013	Nguyễn Đình Dư	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
27	17028017	Phan Nguyễn Đức Dược	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
28	17028018	Phan Hải	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
29	17028019	Trần Văn Hậu	14,625,000	14,625,000	29,250,000	0	29,250,000
30	17028020	Hồ Anh Tâm	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
31	17028021	Nguyễn Thị Khánh Vân	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
32	17028022	Nguyễn Duy Anh	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
33	17028023	Đinh Văn Nam	8,112,500	14,625,000	22,737,500	0	22,737,500
34	17028025	Phí Công Huy	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
35	17028026	Đỗ Huy Điệp	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
36	18028001	Nguyễn Minh Hải	14,625,000	14,625,000	29,250,000	0	29,250,000
37	18028002	Vũ Minh Mạnh	40,462,500	14,625,000	55,087,500	0	55,087,500
38	18028003	Lê Kim Thư	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
39	18028005	Lưu Việt Hưng	52,462,500	14,625,000	67,087,500	0	67,087,500
40	18028006	Phạm Đình Nguyên	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
41	19028001	Vương Thị Hải Yến	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
42	19028003	Bùi Minh Tuấn	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
43	19028004	Bùi Thanh Hương	0	14,625,000	14,625,000	14,625,000	0
44	19028005	Trần Việt Khoa	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
45	19028006	Lê Việt Hà	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
46	19028007	Nguyễn Đức Anh	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
47	19028008	Nguyễn Quang Trung	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
48	19028009	Đào Mạnh Hiệp	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000
49	19028010	Mai Thị Ngọc ánh	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước	Phải nộp K2/20-21	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp
50	20028001	Nguyễn Thu Trang	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
51	20028002	Nguyễn Thị Thùy Anh	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	2,925,000	0
52	20028003	Phạm Hải Đăng	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	14,625,000	-11,700,000
53	20028004	Võ Văn Hoàng	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
54	20028005	Đông Thị Ngọc Lan	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
55	20028006	Nguyễn Khánh Tùng	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
56	20028007	Nguyễn Bá Xuân Bằng	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
57	20028008	Hà Thị Kim Dung	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
58	20028009	Nguyễn Minh Hòa	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
59	20028010	Vũ Đình Phái	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
60	20028011	Nguyễn Minh Thuận	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
61	20028012	Ninh Thị Thanh Tâm	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
62	20028013	Hoàng Bảo Anh	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	2,925,000	0
63	20028014	Quách Công Hoàng	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
64	20028015	Dương Ngọc Sơn	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
65	20028016	Nguyễn Đăng Cơ	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
66	20028017	Vũ Ngọc Linh	-11,700,000	14,625,000	2,925,000	0	2,925,000
67	18028004	Phạm Hữu Tùng	0	14,625,000	14,625,000	0	14,625,000